

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH QUA THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Th.S Đào Duy An¹

Tóm tắt: Sau hơn mười năm thi hành, pháp luật về hôn nhân và gia đình, đặc biệt là các quy định liên quan đến quan hệ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền bình đẳng, quyền sở hữu và sự ổn định của gia đình. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động công chứng – với tư cách là thiết chế phòng ngừa tranh chấp và bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch dân sự – đã bộc lộ một số bất cập, vướng mắc, làm giảm hiệu quả thực thi pháp luật, gia tăng rủi ro cho người dân, bên thứ ba và chính công chứng viên.

Tham luận này phân tích hiệu quả của các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thông qua thực tiễn hoạt động công chứng, tập trung vào các nhóm vấn đề cốt lõi như: xác định tài sản chung – riêng của vợ chồng; quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản; quan hệ đại diện giữa vợ chồng và con chưa thành niên; cũng như các quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, báo cáo đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ, minh bạch và khả thi, nhằm nâng cao vai trò của công chứng trong bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch liên quan đến hôn nhân và gia đình.

Từ khóa: Hôn nhân và gia đình; công chứng; tài sản vợ chồng; an toàn pháp lý; áp dụng pháp luật.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hôn nhân và gia đình là thiết chế xã hội cơ bản, đồng thời cũng là một chế định pháp lý quan trọng của pháp luật tư. Trong tiến trình cải cách pháp luật ở Việt Nam, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được ban hành với mục tiêu bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực hôn nhân – gia đình; khẳng định nguyên tắc bình đẳng giới; tôn trọng quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân; đồng thời tạo hành lang pháp lý cho sự vận động linh hoạt của các quan hệ tài sản trong bối cảnh nền kinh tế thị trường.

Một trong những điểm đổi mới có ý nghĩa nền tảng của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là việc ghi nhận hai chế độ tài sản của vợ chồng: Chế độ tài sản theo luật định và chế độ tài sản theo thỏa thuận. Quy định này thể hiện sự tiếp cận hiện đại của pháp luật Việt Nam, tiệm cận với thông lệ quốc tế, cho phép vợ chồng chủ động lựa chọn và tổ chức đời sống tài sản của mình phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và nhu cầu cá nhân.

Luật Công chứng năm 2014 đã thiết lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động công chứng theo mô hình xã hội hóa, xác lập vai trò của công chứng viên như

¹ Tổng thư ký Hiệp hội công chứng viên Việt Nam

người được Nhà nước trao quyền thực hiện chức năng kiểm soát tính hợp pháp của giao dịch dân sự. Trong thực tiễn, công chứng là khâu không thể thiếu trong các giao dịch liên quan đến tài sản vợ chồng, đặc biệt là bất động sản, tài sản có đăng ký quyền sở hữu và các giao dịch bảo đảm. Hơn 60% hợp đồng công chứng mỗi năm liên quan đến bất động sản, tặng cho, thế chấp hoặc chia tài sản trong hôn nhân.

Thực tiễn cho thấy, phần lớn các tranh chấp dân sự phát sinh tại Tòa án liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến quan hệ hôn nhân và gia đình, trong đó nổi bật là các tranh chấp về tài sản vợ chồng. Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của Tòa án nhân dân tối cao, nhóm vụ án hôn nhân và gia đình chiếm 243.734 vụ trong tổng số 444.402 vụ dân sự – kinh doanh – lao động², tương đương 54,85% tổng khối việc dân sự.

Đáng chú ý, nhiều tranh chấp có nguyên nhân từ việc áp dụng không thống nhất hoặc không rõ ràng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình trong giai đoạn xác lập giao dịch, mà lẽ ra có thể được phòng ngừa nếu có cơ chế pháp lý phù hợp và được áp dụng hiệu quả ngay từ khâu công chứng. Theo Báo cáo số 625/BC-HHCCVVN ngày 12/9/2025 của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, trong mười năm thi hành Luật HN&GD, các công chứng viên thường xuyên gặp khó khăn khi xác định tư cách chủ sở hữu tài sản, nguồn gốc hình thành tài sản, và tính hợp pháp của thỏa thuận tài sản vợ chồng.

Hoạt động công chứng, với đặc thù là nơi “hiện thực hóa” các quy định pháp luật vào đời sống giao dịch, trở thành lăng kính phản ánh trung thực nhất những điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống pháp luật về hôn nhân và gia đình. Chính trong thực tiễn hành nghề, công chứng viên phải đối mặt thường xuyên với các câu hỏi pháp lý phức tạp: tài sản này là chung hay riêng; ai là người có quyền định đoạt; có cần sự tham gia của cả vợ và chồng hay không; thỏa thuận tài sản này có hiệu lực đối với bên thứ ba hay không; và rủi ro pháp lý sẽ thuộc về ai nếu có tranh chấp phát sinh sau này.

Từ thực tiễn đó, việc đánh giá hiệu quả của các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thông qua hoạt động công chứng là cơ sở quan trọng để nhận diện những bất cập trong pháp luật hiện hành, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật, bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch dân sự và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan.

II. VAI TRÒ CỦA CÔNG CHỨNG TRONG QUAN HỆ TÀI SẢN VỢ CHỒNG

Công chứng là thiết chế pháp lý có chức năng phòng ngừa tranh chấp và bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch dân sự. Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, vai trò này càng trở nên rõ nét bởi đây là lĩnh vực giao thoa giữa quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản, nơi các yếu tố tình cảm, đạo đức và lợi ích kinh tế

² <https://tapchitoaan.vn/nam-2022-so-luong-chat-luong-giai-quyet-xet-xu-cac-loai-vu-viec-dat-va-vuot-cac-chi-tieu-yeu-cau-de-ra7749.html>

đan xen chặt chẽ. Luật Công chứng năm 2014 trực tiếp điều chỉnh cơ chế đưa các quy định về tài sản vợ chồng vào đời sống giao dịch. Công chứng không tạo ra quyền sở hữu, nhưng là điều kiện pháp lý quan trọng để các quyền đó được xác lập, chuyển dịch và bảo đảm giá trị thi hành. Trong thực tiễn, công chứng viên phải đồng thời áp dụng Luật Công chứng, Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành khác khi xử lý một giao dịch liên quan đến tài sản vợ chồng.

Trong quá trình hành nghề, công chứng viên phải thực hiện hoạt động đánh giá pháp lý tổng hợp, bao gồm việc xác định tình trạng hôn nhân, chế độ tài sản, nguồn gốc tài sản, quyền định đoạt và sự phù hợp của giao dịch với các quy định pháp luật có liên quan. Trên thực tế, công chứng viên chính là chủ thể đầu tiên và thường là duy nhất thực hiện việc kiểm soát pháp lý phòng ngừa đối với giao dịch tài sản vợ chồng trước khi giao dịch đó được đưa vào lưu thông.

Khác với Tòa án, công chứng viên không có thẩm quyền thu thập chứng cứ hay giải quyết tranh chấp. Việc áp dụng pháp luật trong công chứng diễn ra trong điều kiện thông tin hạn chế, chủ yếu dựa trên hồ sơ do đương sự cung cấp và các cơ sở dữ liệu hiện có. Do đó, hiệu quả áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong hoạt động công chứng phụ thuộc rất lớn vào mức độ rõ ràng, thống nhất và khả thi của các quy định pháp luật.

Từ góc độ này, có thể khẳng định rằng công chứng không chỉ là khâu kỹ thuật trong quy trình giao dịch, mà còn là phép thử thực tiễn đối với chất lượng của các quy phạm pháp luật hôn nhân và gia đình. Những bất cập của pháp luật được bộc lộ rõ ràng nhất tại khâu công chứng, đồng thời cũng từ đây nảy sinh các yêu cầu cấp thiết đối với việc hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm sự vận hành an toàn, thông suốt của các quan hệ tài sản trong hôn nhân.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH QUA THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

1. Những mặt tích cực của pháp luật hôn nhân và gia đình hiện hành qua thực tiễn công chứng

1.1. Tiến bộ trong tư duy lập pháp so với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000

So với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã có những bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh quan hệ tài sản của vợ chồng, thể hiện rõ hơn ở mức độ cụ thể hóa và làm rõ các nguyên tắc về xác lập, quản lý và định đoạt tài sản trong hôn nhân. Mặc dù việc ghi nhận chế độ tài sản theo thỏa thuận là một đổi mới đáng chú ý về mặt lập pháp, nhưng trên thực tế, số lượng các văn bản xác lập chế độ tài sản theo thỏa thuận vẫn còn rất hạn chế; chế độ tài sản theo luật định vẫn là mô hình chủ đạo và có ý nghĩa thực tiễn lớn nhất.

Từ góc độ áp dụng pháp luật trong hoạt động công chứng, những điểm tiến bộ có tác động trực tiếp hơn của Luật năm 2014 so với Luật năm 2000 thể hiện ở

việc làm rõ hơn phạm vi tài sản chung, tài sản riêng và các nguyên tắc xác lập quyền đối với hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản. Sự cụ thể hóa này đã góp phần giảm bớt cách hiểu và áp dụng không thống nhất, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho việc xác định quyền sở hữu và quyền định đoạt khi tài sản được đưa vào giao dịch dân sự.

Bên cạnh đó, việc bổ sung các quy định về chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân và hậu quả pháp lý của việc chia tài sản đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn, tạo hành lang pháp lý linh hoạt hơn so với Luật năm 2000. Có thể khẳng định rằng, điểm tích cực nổi bật của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 trong thực tiễn công chứng không nằm chủ yếu ở chế độ tài sản theo thỏa thuận, mà ở việc nâng cao mức độ minh bạch và khả năng dự đoán của các quy định về tài sản vợ chồng theo chế độ luật định, qua đó góp phần tăng cường an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự.

1.2. Góp phần nâng cao tính an toàn pháp lý cho giao dịch dân sự

Một điểm tích cực khác của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là việc tăng cường yêu cầu về sự thỏa thuận của vợ chồng khi định đoạt tài sản chung, đặc biệt đối với bất động sản và tài sản có đăng ký quyền sở hữu. So với Luật năm 2000, các quy định tại Điều 35 Luật năm 2014 đã thể hiện rõ hơn tinh thần bảo vệ lợi ích chung của gia đình và quyền lợi của bên còn lại trong quan hệ hôn nhân.

Trong thực tiễn công chứng, quy định này đã giúp hạn chế đáng kể tình trạng một bên vợ hoặc chồng tự ý định đoạt tài sản chung có giá trị lớn, qua đó giảm thiểu nguy cơ tranh chấp phát sinh sau giao dịch. Đối với bên thứ ba, đặc biệt là các tổ chức tín dụng, sự tham gia của cả hai vợ chồng trong giao dịch cũng góp phần củng cố niềm tin pháp lý và tăng cường tính ổn định của giao dịch.

Ngoài ra, Luật năm 2014 đã có những bước tiến nhất định trong việc bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên và các thành viên yếu thế trong gia đình, thông qua các quy định về đại diện, quản lý và định đoạt tài sản của người chưa thành niên. Những quy định này, về mặt chính sách pháp luật, thể hiện rõ định hướng nhân văn và bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Những hạn chế, bất cập bộc lộ qua thực tiễn hoạt động công chứng

Mặc dù đạt được nhiều tiến bộ so với Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nhưng thực tiễn áp dụng Luật năm 2014 trong hoạt động công chứng cho thấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực thi pháp luật và an toàn pháp lý của giao dịch.

2.1. Khó khăn trong xác định tài sản chung – riêng của vợ chồng

Một trong những vướng mắc phổ biến nhất trong thực tiễn công chứng là việc xác định ranh giới giữa tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng. Nguyên tắc suy đoán tài sản chung được Luật năm 2014 kế thừa từ Luật năm 2000 và tiếp tục phát huy vai trò bảo vệ bên yếu thế trong hôn nhân. Tuy nhiên, trong điều kiện

pháp luật chưa có cơ chế đăng ký và công khai chế độ tài sản vợ chồng, nguyên tắc này lại trở thành nguồn gốc của nhiều rủi ro pháp lý.

Thực tế cho thấy, nhiều tài sản được hình thành từ nguồn tiền riêng hoặc từ các giao dịch trước hôn nhân nhưng hoàn tất về mặt pháp lý trong thời kỳ hôn nhân, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất. Công chứng viên, do không có công cụ pháp lý để xác minh độc lập nguồn gốc tài sản, thường phải áp dụng cách tiếp cận thận trọng, coi tài sản là tài sản chung và yêu cầu sự tham gia của cả hai vợ chồng. Cách tiếp cận này tuy an toàn về mặt nghề nghiệp nhưng lại làm hạn chế quyền định đoạt tài sản riêng hợp pháp của cá nhân. *Ví dụ: Một bên ký hợp đồng mua nhà ở hình thành trong tương lai trước khi kết hôn và đã thanh toán phần lớn giá trị hợp đồng; sau khi kết hôn, tài sản được bàn giao và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Khi chủ thể yêu cầu công chứng chuyển nhượng tài sản sau khi hôn nhân chấm dứt, công chứng viên gặp khó khăn trong việc xác định đây là tài sản riêng hay tài sản chung do thời điểm xác lập quyền sở hữu rơi vào thời kỳ hôn nhân. Trong bối cảnh không có cơ chế đăng ký nguồn gốc tài sản và không có sự hợp tác của người còn lại trong quan hệ hôn nhân, giao dịch có thể bị đình trệ mặc dù về bản chất kinh tế, tài sản chủ yếu được hình thành từ nguồn tiền riêng.*

So với Luật năm 2000, Luật năm 2014 đã bổ sung thêm nhiều quy định chi tiết hơn về tài sản riêng; tuy nhiên, sự thiếu đồng bộ giữa Luật và các văn bản hướng dẫn, cũng như giữa Luật Hôn nhân và Gia đình với Bộ luật Dân sự, vẫn khiến việc áp dụng trong công chứng gặp khó khăn.

2.2. Bất cập trong quy định về quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản

Quy định về việc định đoạt tài sản chung tại Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, mặc dù có ý nghĩa bảo vệ lợi ích gia đình, nhưng trong thực tiễn công chứng lại bộc lộ một số hạn chế. Việc liệt kê các trường hợp bắt buộc phải có sự thỏa thuận bằng văn bản³ của vợ chồng có thể dẫn đến cách hiểu ngược lại rằng, ngoài các trường hợp này, một bên có thể tự do định đoạt tài sản mà không cần sự đồng ý của bên kia. Thực tiễn cho thấy đã phát sinh các giao dịch mua bán động sản mà bên mua chỉ có một người đứng tên ký kết hợp đồng, với lập luận rằng tiền thanh toán không thuộc các trường hợp phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng theo Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cách hiểu này dẫn đến cách áp dụng không thống nhất giữa các địa phương; công chứng viên buộc phải lựa chọn giữa việc từ chối công chứng để bảo đảm an toàn pháp lý hoặc chấp nhận giao dịch với rủi ro tranh chấp phát sinh sau này.

³ Khoản 2 Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây:

- a) Bất động sản;
- b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu;
- c) Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình.”

Sự thiếu rõ ràng này đã từng dẫn đến các cách áp dụng khác nhau, làm suy giảm tính thống nhất của pháp luật. So với Luật năm 2000, Luật năm 2014 đã tiến bộ hơn trong việc cụ thể hóa các trường hợp cần sự đồng ý của cả hai vợ chồng, nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để yêu cầu cân bằng giữa bảo vệ lợi ích gia đình và bảo đảm tính linh hoạt của giao dịch dân sự.

Ngoài ra, các quy định về việc đưa tài sản chung vào kinh doanh, ủy quyền quản lý và định đoạt tài sản còn thiếu cơ chế linh hoạt, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn khi vợ hoặc chồng vắng mặt dài ngày hoặc có nhu cầu phân công quản lý tài sản một cách ổn định.

2.3. Vướng mắc trong quan hệ đại diện giữa cha mẹ và con chưa thành niên

Trong lĩnh vực công chứng, các giao dịch liên quan đến tài sản của người chưa thành niên, đặc biệt là giao dịch tặng cho tài sản từ cha mẹ cho con, thường xuyên gặp vướng mắc do sự thiếu thống nhất giữa Luật Hôn nhân và Gia đình và Bộ luật Dân sự. Việc cả cha và mẹ đều là người đại diện theo pháp luật của con, trong khi pháp luật dân sự hạn chế người đại diện giao dịch với chính mình, đã tạo ra khoảng trống pháp lý khó xử lý trong thực tiễn công chứng. Trong nhiều trường hợp, cha mẹ có nhu cầu tặng cho con chưa thành niên quyền sử dụng đất hoặc nhà ở nhằm bảo đảm chỗ ở ổn định lâu dài cho con. Tuy nhiên, do cả cha và mẹ đều là người đại diện theo pháp luật của con, trong khi Bộ luật Dân sự hạn chế người đại diện giao dịch với chính mình, công chứng viên không có cơ sở pháp lý rõ ràng để thực hiện công chứng, dẫn đến việc từ chối hoặc áp dụng các giải pháp tình thế khác nhau không đúng với ý chỉ của chủ thể và bản chất của giao dịch.

So với Luật năm 2000, Luật năm 2014 đã có những bước tiến trong việc nhấn mạnh nguyên tắc bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ em, nhưng lại chưa thiết kế được cơ chế pháp lý rõ ràng để xử lý các tình huống giao dịch phổ biến, dẫn đến cách áp dụng thận trọng quá mức hoặc từ chối công chứng trong nhiều trường hợp.

2.4. Hạn chế trong xử lý các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Sự gia tăng các cuộc hôn nhân có yếu tố nước ngoài đặt ra yêu cầu mới đối với pháp luật hôn nhân và gia đình. Luật năm 2014 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh so với Luật năm 2000, song các quy định về chế độ tài sản vợ chồng có yếu tố nước ngoài vẫn còn mang tính nguyên tắc, thiếu hướng dẫn cụ thể về xung đột pháp luật và công nhận giấy tờ pháp lý do cơ quan nước ngoài cấp.

Trong thực tiễn công chứng, việc xác định tình trạng hôn nhân, chế độ tài sản và quyền định đoạt của các chủ thể có yếu tố nước ngoài gặp nhiều lúng túng, đặc biệt trong các giao dịch bất động sản. Điều này không chỉ làm tăng rủi ro pháp lý cho công chứng viên mà còn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch. *Ví dụ: Khi công dân Việt Nam kết hôn với người nước*

ngoài và đứng tên quyền sử dụng đất tại Việt Nam, công chứng viên thường gặp lúng túng trong việc xác định tư cách tham gia giao dịch của người vợ hoặc chồng là người nước ngoài. Mặc dù người nước ngoài không được công nhận quyền sử dụng đất, nhưng quan hệ hôn nhân hợp pháp vẫn làm phát sinh quyền lợi liên quan đến tài sản, trong khi pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể.

IV. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH TỪ THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Từ việc đánh giá hiệu quả và những hạn chế của pháp luật hôn nhân và gia đình qua thực tiễn hoạt động công chứng, có thể nhận thấy rằng các bất cập hiện nay không xuất phát từ một quy định đơn lẻ, mà là hệ quả của sự thiếu đồng bộ giữa các đạo luật, thiếu cơ chế công khai thông tin và thiếu công cụ pháp lý hỗ trợ cho chủ thể áp dụng pháp luật. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật cần được tiếp cận theo hướng tổng thể, kết hợp giữa sửa đổi quy định nội dung, hoàn thiện thiết chế và cải thiện điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật.

1. Hoàn thiện các quy định về chế độ tài sản của vợ chồng theo hướng rõ ràng và đồng bộ

Thứ nhất, cần rà soát và điều chỉnh các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nhằm bảo đảm sự thống nhất nội tại giữa Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đặc biệt, cần khắc phục các điểm chưa đồng bộ liên quan đến việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân⁴ và hậu quả pháp lý của việc chia tài sản, tránh tình trạng các văn bản dưới luật làm thay đổi hoặc mở rộng nội dung của luật theo cách gây rủi ro cho chủ thể tham gia giao dịch.

Thứ hai, cần cụ thể hóa hơn nữa các tiêu chí xác định tài sản riêng của vợ chồng, đặc biệt trong các trường hợp tài sản có nguồn gốc hỗn hợp hoặc được hình thành qua nhiều giai đoạn khác nhau (trước và trong thời kỳ hôn nhân). Việc làm rõ các tiêu chí này không chỉ giúp bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, mà còn tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho công chứng viên khi xác định quyền định đoạt tài sản trong giao dịch.

Thứ ba, đối với chế độ tài sản theo thỏa thuận, cần làm rõ phạm vi, hình thức và hiệu lực pháp lý của các thỏa thuận tài sản, tránh tình trạng trên thực tế xuất hiện nhiều loại văn bản “thỏa thuận tài sản riêng” không có cơ sở pháp lý rõ ràng. Pháp luật cần quy định minh bạch hơn về giá trị pháp lý của các thỏa thuận này đối với bên thứ ba, nhằm hạn chế tranh chấp và bảo đảm an toàn giao dịch.

2. Hoàn thiện quy định về quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản vợ chồng

⁴ Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 hiện đang có một số mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 điều 14 của nghị định số 126/2014/NĐ-CP. Theo đó khoản 2 điều 14 của nghị định 126/2014/NĐ-CP đã mở rộng phạm vi các tài sản được xác định là tài sản riêng sau khi chia tài sản chung vợ chồng bao gồm cả các tài sản là hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng khác của vợ/chồng. Việc mở rộng phạm vi này có thể tạo ra rủi ro cho các chủ thể và mâu thuẫn trong quá trình thực thi luật và nghị định trong nhiều trường hợp không phản ánh đúng ý chí của các chủ thể khi chia tài sản đặc biệt khi chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của các tài sản này.

Một trong những yêu cầu quan trọng đặt ra từ thực tiễn công chứng là cần hoàn thiện các quy định về quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng theo hướng cân bằng giữa bảo vệ lợi ích gia đình và bảo đảm tính linh hoạt của giao dịch dân sự.

Trước hết, cần rà soát và làm rõ quy định về các trường hợp bắt buộc phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng khi định đoạt tài sản chung. Việc liệt kê như hiện nay dễ dẫn đến cách hiểu ngược lại trong thực tiễn áp dụng. Pháp luật nên tiếp cận theo hướng xác định nguyên tắc chung về sự tham gia của cả hai vợ chồng đối với các giao dịch có giá trị lớn hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống kinh tế của gia đình, đồng thời giao cho văn bản hướng dẫn cụ thể hóa các tiêu chí áp dụng.

Bên cạnh đó, cần bổ sung cơ chế pháp lý linh hoạt cho phép vợ chồng thỏa thuận phân công quản lý và định đoạt một khối tài sản nhất định trong thời kỳ hôn nhân, không chỉ giới hạn trong trường hợp đưa tài sản vào kinh doanh. Cơ chế này sẽ đáp ứng nhu cầu thực tiễn khi một bên vợ hoặc chồng vắng mặt dài ngày, đồng thời giảm bớt áp lực thủ tục và rủi ro pháp lý trong hoạt động công chứng.

3. Hoàn thiện quy định về quan hệ đại diện giữa cha mẹ và con chưa thành niên

Đối với các giao dịch liên quan đến tài sản của người chưa thành niên, cần có sự điều chỉnh đồng bộ giữa Luật Hôn nhân và Gia đình và Bộ luật Dân sự nhằm khắc phục xung đột trong quy định về đại diện. Pháp luật nên thiết kế cơ chế cho phép cha mẹ thực hiện các giao dịch mang lại lợi ích rõ ràng cho con chưa thành niên, như tặng cho tài sản, trong những điều kiện và giới hạn chặt chẽ, thay vì áp dụng cứng nhắc quy định cấm người đại diện giao dịch với chính mình.

Việc hoàn thiện quy định theo hướng này vừa bảo đảm nguyên tắc bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ em, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch dân sự hợp pháp, đồng thời giảm bớt các cách áp dụng thận trọng quá mức hoặc từ chối công chứng trong thực tiễn.

4. Xây dựng cơ chế công khai và đăng ký chế độ tài sản vợ chồng

Một trong những kiến nghị có tính nền tảng xuất phát từ thực tiễn công chứng là cần xây dựng cơ chế công khai và đăng ký chế độ tài sản vợ chồng. Việc thiếu cơ sở dữ liệu về chế độ tài sản hiện nay là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến rủi ro pháp lý cho bên thứ ba và công chứng viên.

Theo đó, cần nghiên cứu xây dựng hệ thống đăng ký chế độ tài sản vợ chồng gắn với đăng ký kết hôn và cơ sở dữ liệu hộ tịch, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý. Thông tin về việc áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận, chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân hoặc các hạn chế quyền định đoạt cần được công khai ở mức độ phù hợp để bên thứ ba có thể tiếp cận khi tham gia giao dịch.

Cơ chế này không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch của quan hệ tài sản vợ chồng, mà còn giúp công chứng viên có căn cứ pháp lý rõ ràng hơn khi

thực hiện chức năng kiểm soát giao dịch, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa tranh chấp của công chứng.

5. Hoàn thiện quy định về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cần bổ sung và cụ thể hóa các quy định về quan hệ tài sản vợ chồng có yếu tố nước ngoài. Pháp luật hôn nhân và gia đình cần có hướng dẫn rõ ràng hơn về việc xác định chế độ tài sản áp dụng, công nhận giấy tờ pháp lý do cơ quan nước ngoài cấp và xử lý xung đột pháp luật trong giao dịch tài sản.

Việc hoàn thiện các quy định này không chỉ giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, mà còn tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho hoạt động công chứng, giảm thiểu rủi ro và nâng cao tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

V. KẾT LUẬN

Qua phân tích hiệu quả áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình trong thực tiễn hoạt động công chứng, có thể nhận thấy rằng các quy định về quan hệ tài sản của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã tạo được khung pháp lý tương đối đầy đủ và tiến bộ hơn so với các quy định trước đây. Nhiều quy định đã góp phần nâng cao mức độ minh bạch và khả năng dự đoán của các giao dịch dân sự liên quan đến tài sản vợ chồng, đặc biệt trong bối cảnh tài sản được đưa vào lưu thông ngày càng thường xuyên.

Tuy nhiên, thực tiễn công chứng cũng cho thấy hiệu quả của pháp luật không chỉ phụ thuộc vào nội dung quy định, mà còn phụ thuộc vào mức độ đồng bộ của hệ thống pháp luật và sự tồn tại của các cơ chế bảo đảm thi hành. Khi thiếu các thiết chế công khai, đăng ký và liên thông thông tin về chế độ tài sản vợ chồng, những rủi ro pháp lý trong giao dịch dân sự vẫn khó được kiểm soát một cách triệt để, làm suy giảm mục tiêu bảo đảm an toàn pháp lý mà pháp luật hướng tới.

Từ góc độ đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật hôn nhân và gia đình trong giai đoạn tới cần được tiếp cận theo hướng nâng cao tính khả thi và hiệu quả áp dụng, thay vì chỉ tập trung vào việc mở rộng các mô hình pháp lý trên phương diện hình thức. Việc tăng cường minh bạch hóa quan hệ tài sản vợ chồng, gắn kết chặt chẽ hơn giữa các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình với pháp luật dân sự và pháp luật về công chứng, là điều kiện quan trọng để bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự và củng cố niềm tin của các chủ thể tham gia giao dịch.

Có thể khẳng định rằng, khi pháp luật hôn nhân và gia đình được thiết kế và vận hành theo hướng đồng bộ, minh bạch và dự đoán được, hoạt động công chứng sẽ tiếp tục phát huy vai trò là cơ chế phòng ngừa tranh chấp hiệu quả, qua đó góp phần bảo đảm sự ổn định và an toàn của các quan hệ dân sự trong xã hội.